

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:10/2022/DS-ST

Ngày: 16 - 5 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Thuận;

Ông Đặng Văn Trị.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phước là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Bình Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022 (Thông báo dời ngày xét xử số 01/2022/TA-TB ngày 09/5/2022), giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Văn C, sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt - có đơn yêu cầu vắng mặt).

- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt - có đơn yêu cầu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày tháng năm của ông Bùi Văn C, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Bùi Văn C trình bày:

Vợ của ông tên Nguyễn Thị T. Do ở cùng địa phương quen biết nhau nên từ năm 2015 đến năm 2016, chị Nguyễn Thị Mỹ L nhiều lần vay tiền của vợ chồng ông tổng cộng 10.500.000 đồng. Việc vay tiền này không tính lãi và không quy định thời gian trả nhưng thỏa thuận miệng là khi nào vợ chồng ông cần thì chị L trả nợ. Sau khi vay, vợ chồng ông yêu cầu nhiều lần nhưng chị L không trả. Ông có đơn báo cáo sự việc đến Công an xã B. Công an xã B mời 02 bên đến làm việc vào ngày 09/7/2020 và chị L cũng thừa nhận có nợ và viết giấy xác nhận nợ vợ chồng ông số tiền 10.500.000. Từ ngày viết giấy xác nhận nợ cho đến nay chị L chưa trả nợ cho vợ chồng ông. Nay ông yêu cầu chị L có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 10.500.000 đồng và tính lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật từ ngày Tòa án nhận đơn khởi kiện cho đến nay. Việc chị L yêu cầu trả dần số tiền nợ thì ông không đồng ý.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày: Chị thừa nhận ngày 09/7/2020 chị có viết giấy xác nhận nợ tiền của vợ chồng ông bà Bùi Văn C - Nguyễn Thị T số tiền 10.500.000 đồng và chữ viết trong giấy nợ là do chị viết. Vì điều kiện kinh tế khó khăn nên chị chưa trả nợ cho ông C. Ông C kiện yêu cầu chị trả số tiền nợ 10.500.000 đồng thì chị đồng ý nhưng hiện nay điều kiện khó khăn nên chị xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng – 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà là vợ của nguyên đơn Bùi Văn C. Bà thống nhất lời khai và yêu cầu của chồng bà như trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ L phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông bà Bùi Văn C - Nguyễn Thị T số tiền vay 10.500.000 đồng và phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật kể từ ngày 10/9/2021 (ngày khởi kiện) đến khi xét xử ngày 16/5/2022. Không chấp nhận yêu cầu của chị L xin được trả dần số tiền nợ, vì vợ chồng ông bà C - T không chấp nhận. Về án phí dân sự sơ thẩm, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Chị L phải chịu án phí 5% trong số tiền phải trả nợ, ông C không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị Mỹ L bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, các bên đương sự đều thừa nhận: Trước năm 2020, chị Nguyễn Thị Mỹ L nhiều lần vay tiền của vợ chồng ông bà Bùi Văn C - Nguyễn Thị T, tổng cộng với số tiền 10.500.000 đồng, không thỏa thuận lãi cũng như thời hạn trả nợ. Vào ngày 09/7/2020, chị L ký giấy xác nhận nợ số tiền nợ này và hứa thực hiện trả nợ cho vợ chồng ông C – T nhưng sau đó không thực hiện việc trả nợ.

[2.2] Xét yêu cầu của vợ chồng ông bà C – T: Vợ chồng ông bà C – T yêu cầu bà trả số tiền gốc 10.500.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày chậm trả với lãi suất 10%/năm (tức 0,83%/tháng, 0,027%/ngày) kể từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên cần được chấp nhận. Tiền lãi được tính từ ngày 10/9/2021 (Ngày nộp đơn khởi kiện) đến ngày 16/5/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là 08 tháng 06 ngày: $10.500.000đ \times 0,83\%/tháng \times 08 tháng + 10.500.000đ \times 0,027\%/ngày \times 07 ngày = 714.210$ đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 11.214.210 đồng, cần buộc chị L có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông bà C – T; thực hiện việc trả nợ khi án có hiệu lực pháp luật.

[2.4] Xét yêu cầu của chị L: Việc chị L yêu cầu được trả nợ dần nhưng vợ chồng ông bà C – T không đồng ý nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

[3.1] Cần buộc bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% trong số tiền trả nợ cho vợ chồng ông bà C – T ($11.214.210 \text{ đồng} \times 5\% = 560.710 \text{ đồng}$).

[3.2] Ông C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cần hoàn trả lại cho ông C số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006953 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của vợ chồng ông bà Bùi Văn C - Nguyễn Thị T: Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả cho ông vợ chồng ông bà Bùi Văn C - Nguyễn Thị T: số tiền 11.214.210 (Mười một triệu hai trăm mười bốn nghìn hai trăm mười) đồng theo giấy xác nhận nợ vay ngày 09/7/2020 (Trong đó: Nợ gốc là

10.500.000 đồng; nợ lãi 714.210 đồng); thực hiện việc trả nợ khi án có hiệu lực pháp luật

Không chấp nhận việc chị Nguyễn Thị Mỹ L yêu cầu trả dần tiền nợ, vì vợ chồng ông bà C - T không chấp nhận.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 560.710 (Năm trăm sáu mươi nghìn bảy trăm mười) đồng

2.2. Hoàn trả cho ông Bùi Văn C 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006953 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng không được vượt qua mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4.2. Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thành Tân